TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2023/DS-ST
Ngày: 22-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Be;

2. Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Ông Võ Minh Mẫn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 523/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXX-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 62/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: Tổ C, ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lâm Thị L (D), sinh năm 1974 và ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980; Cùng địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp G, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-6-2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:* Ngày 18-12-2022 bà có cho bà L (D) vay số tiền vay nợ gốc 45.000.000 đồng, lãi suất 4%/tháng, thoả thuận khi nào cần tiền bà sẽ lấy lại. Bà L có xác nhận "*D có mượn 45 triệu*" vào cuốn sổ nhỏ theo dõi nợ của bà P. Cho đến nay bà L vẫn chưa trả tiền nợ gốc, nợ lãi.

Cùng ngày 18-12-2022, bà cho bà L vay số tiền góp 10.000.000 đồng thoả thuận bà L trả góp hàng ngày. Bà P có ghi "*Ngày 18/12/2022 10.000.000 ; 14/2 góp 600.000; 21/2 góp 600.000; ngày 26/2 600.000"* vào cuốn sổ nợ nhỏ để theo dõi khoản vay góp này. Khoản vay này bà L đã trả được 1.800.000 đồng, còn nợ lại 8.200.000 đồng.

Do bà L và ông Đ là vợ chồng chung sống với nhau, bà L vay tiền để buôn bán làm ăn trang trải cuộc sống gia đình nên tại đơn khởi kiện đề ngày 29-6-2023, bà yêu cầu bà L và ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc 53.200.000 đồng (gồm khoản vay 45.000.000 đồng và khoản vay góp còn lại 8.200.000 đồng), tính lãi 0,83%/tháng kể từ ngày 18-12-2022 dương lịch cho đến ngày Toà án xét xử. Đến ngày 18-8-2023 bà P làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối khoản vay tiền góp, bà chỉ yêu cầu bà L và ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc 45.000.000 đồng và tiền lãi 0.83%/tháng kể từ ngày bà nộp đơn khởi kiện cho đến ngày Toà án xét xử.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Lâm Thị L (D) đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc nhưng bà L, ông Đ vắng mặt không có lý do đồng thời không nộp văn bản trình bày ý kiến cho Toà án.*

Tại phiên toà, các đương sự vắng mặt nên không có ý kiến trình bày

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tâ y Ninh*:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ theo Điều 217, 218, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", buộc bà Lâm Thị L (D) và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc 45.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với yêu cầu buộc bà Lâm Thị L (D) và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền vay góp còn lại 8.200.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

- Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị P khởi kiện bà Lâm Thị L (D) và ông Nguyễn Văn Đ cùng cư trú tại xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh có nghĩa vụ trả tiền nợ vay. Do vậy xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Lâm Thị L và ông Nguyễn Văn Đ đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Bị đơn bà Lâm Thị L (D) và ông Nguyễn Văn Đ đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật.

[2.1] Đối với khoản nợ gốc 45.000.000 đồng: Vào ngày 18-12-2022, bà L (D) có vay của bà P số tiền là 45.000.000 đồng, việc vay tiền có lập giấy biên nhận do bà L viết với nội dung: "*D có mượn 45 triệu*" vào cuốn sổ nhỏ theo dõi nợ của bà P (Bút lục 31). Nội dung giấy biên nhận nợ phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương thể hiện bà L làm nghề buôn bán ở chợ N, trong quá trình làm ăn buôn bán có vay tiền của nhiều người ở địa phương, trong đó có bà P. Xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa bà P và bà L (D) là hợp đồng vay không kỳ hạn, nên bà P khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền nợ gốc 45.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về yêu cầu trả tiền lãi: Hợp đồng vay tài sản giữa bà P và bà L là hợp đồng vay tài sản không có lãi nên căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì bà L chỉ phải trả tiền lãi theo mức lãi suất là 10%/năm kể từ khi đến hạn trả nợ mà không trả, cụ thể là từ ngày bà P khởi kiện là ngày 29-6-2023 tính đến nay là 02 tháng 24 ngày, tương đương với số tiền là 45.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 02 tháng 24 ngày = 1.045.800 đồng, làm tròn số 1.046.000 đồng.

- Về trách nhiệm liên đới: Mặc dù việc vay số tiền 45.000.000 đồng là do bà L thực hiện, nhưng mục đích là để làm ăn buôn bán, phục vụ cho nhu cầu thiết yếu

của gia đình và tồn tại trong thời kỳ hôn nhân của bà L, ông Đ nên bà P yêu cầu ông Đ cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc 45.000.000 đồng và tiền lãi 1.046.000 đồng, tổng cộng 46.046.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với khoản nợ góp còn lại 8.200.000 đồng: Tại đơn khởi kiện ngày 29-6-2023, quá trình giải quyết vụ án bà P khởi kiện buộc ông Đ, bà L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ góp còn lại 8.200.000 đồng và tiền lãi. Xét thấy khoản vay này do bà P tự ghi vào sổ theo dõi nợ, chưa có xác nhận của bà L, ông Đ. Ngày 18-8-2023 bà P làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà L và ông Đ trả số tiền vay góp 8.200.000 đồng và tiền lãi đối với khoản vay này. Việc rút đơn của bà P là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện này của bà P theo quy định tại Điều 217, 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà P có quyền khởi kiện lại bà L, ông Đ đối với khoản tiền vay góp còn lại 8.200.000 đồng theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Do yêu cầu khởi kiện của bà P được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện cho bà P.

+ Căn cứ vào quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, bà L và ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 46.046.000 đồng x 5% = 2.302.300 đồng, làm tròn số 2.302.000 đồng.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 217, 218, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với bà Lâm Thị L (D) và ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc bà Lâm Thị L (D) và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị P tổng cộng số tiền 46.046.000 (Bốn mươi sáu triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng, trong đó nợ gốc là 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng và tiền lãi là 1.046.000 (Một triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc buộc bà Lâm Thị L (D) và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền vay góp còn lại 8.200.000 (Tám triệu hai trăm nghìn) đồng. Bà Nguyễn Thị P có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Lâm Thị L (D) và ông Nguyễn Văn Đ phải chịu số tiền 2.301.650 (Hai triệu ba trăm lẻ một nghìn sáu trăm năm mươi) đồng án phí.

+ Bà Nguyễn Thị P được nhận lại tiền tạm ứng án phí khởi kiện bà đã nộp số tiền 1.330.000 (Một triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng tại Biên lai thu số 0018850 ngày 07-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND H.Châu Thành;
- CCTHADS H.Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Thị Liên